

Bản án số: **38 /2026/ HNGĐ - ST**

Ngày 24 tháng 7 năm 2026

“V/v: Ly hôn, Tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 -NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh

+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi

Bà Phạm Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2026/TLST – HNGĐ ngày 09/03/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/06/2026; Quyết định hoãn phiên toà số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/07/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Thị C, sinh năm 1992; Căn cước công dân số: 0371920131xx cấp ngày 13/8/2021; địa chỉ: xóm B xã K, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn H).

2. Bị đơn: anh Phạm Văn G, sinh năm 1986; Căn cước công dân số: 0370860052xx cấp ngày 05/12/2025; địa chỉ: xóm B, xã K tỉnh Ninh Bình (nay là thôn H).

Tại phiên tòa vắng mặt chị C - chị C có đơn xin xét xử vắng mặt; anh G vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị C trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn G kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ ngày 06/04/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh G tại xóm B, xã K, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh G không quan tâm chăm sóc con cái, không thực hiện trách nhiệm của người chồng người cha trong gia đình, vợ chồng thường đánh, cãi chửi nhau. Hai bên gia đình khuyên giải rất nhiều lần nhưng không thay đổi được tình

trạng hôn nhân. Chị và anh G đã ly thân từ cuối năm 2025, trong thời gian ly thân thì vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị và anh G chỉ có ba con chung là cháu Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 06/07/2014; Phạm Bảo L, sinh ngày 05/11/2018 và Phạm Thị Trâm A, sinh ngày 28/03/2024. Hiện cháu N và cháu A đang do chị nuôi dưỡng, còn cháu L đang do anh G nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng hai con gái, để anh G nuôi cháu L cho đến khi thành niên. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về con riêng: Chị và anh G không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Phạm Văn G tại bản tự khai ngày 18/05/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Anh và chị C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ ngày 06/04/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh tại xóm B, xã K, sau đó ra ở riêng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh xác định do làm ăn thua lỗ phải bán nhà, sau đó chị C đưa con về nhà bố mẹ để ở, còn anh đi làm ăn xa; trong một thời gian dài anh không được gặp con do chị C chặn số không liên lạc, dẫn đến việc vợ chồng xa cách nhau. Nay chị C xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, trường hợp chị C không cho anh cơ hội được làm lại sửa chữa bù đắp cho vợ con là quyền của chị C.

Về con chung: Anh cũng xác định vợ chồng chỉ có ba con chung là cháu Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 06/07/2014; Phạm Bảo L, sinh ngày 05/11/2018 và Phạm Thị Trâm A, sinh ngày 28/03/2024. Hiện cháu N và cháu A đang do chị C nuôi dưỡng, còn cháu L đang do anh nuôi dưỡng. Trường hợp phải ly hôn anh đề nghị giao cả ba con chung cho chị C nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh sẽ chu cấp để chị C nuôi dưỡng các con, do anh thường đi làm ăn xa không có điều kiện chăm sóc con.

Về con riêng: Anh và chị C không có con riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất ngày 08/7/2026, anh G vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2026/QĐST-HNGĐ và ấn định thời gian xét xử vụ án vào ngày 24/7/2026. Tại phiên tòa hôm nay anh G vắng mặt lần thứ hai không có lý do; chị C có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Các con chung của của chị C và anh G là Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 06/07/2014 và Phạm Bảo L, sinh ngày 05/11/2018 khi được hỏi ý kiến thì cháu N có nguyện vọng xin được ở với chị C, cháu L có nguyện vọng ở với anh G.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ, chấp hành đúng qui định của pháp luật về tổ tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng qui định của pháp luật về tổ tụng dân sự.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị C. Xử chị Bùi Thị C được ly hôn với anh Phạm Văn G.

- Về con chung: Giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 06/07/2014 và cháu Phạm Thị Trâm A, sinh ngày 28/03/2024; giao anh G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo L, sinh ngày 05/11/2018. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị C phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị C yêu cầu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn G có địa chỉ đăng ký thường trú và cư trú tại xóm B, xã K, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn H). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Bùi Thị C và bị đơn anh Phạm Văn G. Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị C và anh Phạm Văn G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 06/04/2012 tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (Nay là UBND xã K, tỉnh Ninh Bình). Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị C và anh G sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị C thì nguyên nhân chính do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; anh G không quan tâm chăm sóc con cái, không thực hiện trách nhiệm của người chồng người cha trong gia đình, vợ chồng thường đánh, cãi chửi nhau. Hai bên gia đình khuyên giải rất nhiều lần nhưng không thay đổi được tình trạng hôn nhân. Chị và anh G đã ly thân từ cuối năm 2025, trong thời gian ly thân thì anh chị không ai quan tâm

đến nhau.

Về phía anh G cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn; nhưng theo anh về nguyên nhân mâu thuẫn anh xác định do làm ăn thua lỗ phải bán nhà, sau đó chị C đưa con về nhà bố mẹ để ở, còn anh đi làm ăn xa; trong một thời gian dài anh không được gặp con do chị C chặn số không liên lạc được, dẫn đến việc vợ chồng xa cách nhau. Nay chị C xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, trường hợp chị C không cho anh cơ hội được làm lại sửa chữa bù đắp cho vợ con là quyền của chị C.

Tại biên bản xác minh ngày 13/5/2026, đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Anh G và chị C kết hôn hợp pháp và về sinh sống cùng nhà bố mẹ anh G tại xóm B, xã K; thời gian chung sống tại đây, địa phương không nhận được bất kỳ báo cáo hay đơn thư gì về mâu thuẫn của anh chị, qua theo dõi thì chị C đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2025, còn anh G đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về, sống cùng nhà với bố mẹ đẻ.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xác định mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn hai bên trình bày có khác nhau, nhưng cả hai bên đương sự đều xác định do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không khắc phục được nên cả hai đã sống ly thân từ cuối năm 2025 cho đến nay. Mặc dù anh G xác định lỗi là do anh làm ăn thua lỗ phải bán nhà và muốn đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được biện pháp khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng trở về đoàn tụ.

Nhận thấy anh G có hành vi phá tán tài sản gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của chồng theo quy định của pháp luật dẫn đến xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị C, dẫn đến vợ chồng xúc phạm nhau, làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm nhau, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị C cần chấp nhận, cho chị C được ly hôn với anh Phạm Văn G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, con riêng:

Chị Bùi Thị C và anh Phạm Văn G có ba con chung là cháu Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 06/07/2014; Phạm Bảo L, sinh ngày 05/11/2018 và Phạm Thị Trâm A, sinh ngày 28/03/2024. Hiện cháu N và cháu A đang do chị C nuôi dưỡng, còn cháu L đang do anh G nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị C yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai con gái, để anh G nuôi cháu L cho đến khi thành niên, chị không đủ điều kiện nuôi dưỡng cả ba con chung; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Còn anh G đề nghị nếu ly hôn để cho chị C nuôi cả ba con chung, anh sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C.

Tòa án đã yêu cầu cả anh G và chị C cung cấp chứng cứ chứng minh về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nhưng cả anh G và chị C không cung cấp được. Tại biên bản xác minh ngày 13/5/2026 UBND xã K cung cấp: Hiện anh G và chị C làm nghề tự do không xác định cụ thể thu nhập của anh chị; về điều kiện sống: Vợ chồng anh chị không có nhà đất độc lập, khi ly thân cả hai đều về ở chung cùng bố mẹ đẻ.

Như vậy về điều kiện sinh sống hiện nay của anh G so với chị C là như nhau đều

đang sống nhờ nhà bố mẹ đẻ, tuy nhiên anh G đi làm ăn xa, ít khi về nhà, thời gian chăm sóc con chung ít hơn chị C; phía chị C xác định không đủ điều kiện nuôi cả ba con chung. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường của các cháu, hạn chế thấp nhất đến việc xáo trộn về tâm sinh lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn và nguyện vọng của các con chung thì việc giao hai con chung là cháu Phạm Thị Khánh N và cháu Phạm Thị Trâm A cho chị C và giao cháu Phạm Bảo L cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đảm bảo được nguyện vọng và quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Bùi Thị C, anh Phạm Văn G và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị C và anh G không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về con riêng: Chị Bùi Thị C và anh Phạm Văn G không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Về phía chị C không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Thị Trâm A với chị. Mặc dù đã được Tòa án giải thích cho chị việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Tuy nhiên chị C vẫn từ chối; xét thấy người trực tiếp nuôi con có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng và việc họ không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, Tòa án không buộc anh G phải cấp dưỡng nuôi con với chị C.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị C và anh G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Bùi Thị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị C về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Văn G.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị C được ly hôn anh Phạm Văn G

3. Về con chung, con riêng:

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 06/07/2014 và Phạm Thị Trâm A, sinh ngày 28/03/2024 cho chị Bùi Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên.

Giao anh Phạm Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Bảo L, sinh ngày 05/11/2018 đến khi thành niên.

- Về cấp dưỡng: Anh G không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về con riêng: Chị Bùi Thị C và anh Phạm Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Bùi Thị C và anh Phạm Văn G không yêu cầu không yêu cầu, Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000975 ngày 05/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm chị Bùi Thị C và anh Phạm Văn G vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã K
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh